

Số: 152/BC-THPT TPHK

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Trần Phú- Hoàn Kiếm.

2. Địa chỉ: Số 8 Phố Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38257303

Website: //thpttranphuhk.hanoi.edu.vn

Email: c3tranphu@hanoiedu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục tự đảm bảo chi thường xuyên theo Quyết định số 2211/QĐ-SGDĐT ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc giao tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2024-2025;

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

4.1. Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

4.2. Tầm nhìn: Là một trường học mà học sinh luôn lựa chọn học tập và rèn luyện; nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới đỉnh cao; là địa chỉ tin cậy của phụ huynh.

4.3. Mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Xây dựng Trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm an toàn, xanh – sạch – đẹp, có uy tín về chất lượng giáo dục, là ngôi trường ở đó học sinh tích cực sáng tạo, chăm ngoan phấn đấu: học để làm người công dân tốt, có đầy đủ kỹ năng thích ứng với đô thị thông minh và quá trình hội nhập quốc tế; học để làm con hiếu thảo, có trách nhiệm, xây dựng gia đình hạnh phúc; học để có nghề nghiệp hiệu quả, nuôi mình và gia đình; học để đóng góp cho thành phố và đất nước; học sinh có đầy đủ năng lực và phẩm chất để sau này trở thành những thế hệ nối tiếp nhau dựng xây đất nước.

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường phối hợp nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trường học; chú trọng giáo dục thể chất, y tế trường học; xây dựng văn hóa học đường, giáo dục lí tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm được thành lập năm 1960 theo Quyết định của UBND thành phố Hà Nội. Hiện tại trường có tổng diện tích 5.003m², kiến trúc theo thời Pháp. Trường có 26 phòng học, 03 phòng học bộ môn, 01 phòng thư viện đáp

ứng nhu cầu dạy và học, khu nhà hành chính- được trang bị đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) làm việc, giúp cho thầy - trò đẩy mạnh việc tự học, tự bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học; khu giáo dục thể chất gồm 01 nhà thể chất, 01 sân bóng rổ.

Hiện nay, số CB, GV, NV là 112 (cả biên chế và hợp đồng), trong đó Ban Giám hiệu gồm 02 đồng chí. Đội ngũ đã đủ về cơ cấu, số lượng phù hợp với vị trí việc làm trong đơn vị và tất cả CB, GV, NV của trường đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn.

Chi bộ Đảng và các tổ chức trong nhà trường được thành lập đầy đủ theo Điều lệ trường trung học. Việc phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, cân đối, đảm bảo định mức lao động, phù hợp với sở trường, năng lực, tạo điều kiện cho cán bộ, GV, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thuận lợi:

Trường THPT Trần Phú – Hoàn Kiếm được sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội. Mọi chủ trương, chính sách của Nhà nước, của Ngành đều được Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội triển khai đầy đủ, kịp thời, hướng dẫn chi tiết, tạo thuận lợi cho nhà trường triển khai, thực hiện đúng tiến độ đảm bảo chất lượng.

Hầu hết CB, GV, NV đều có sức khỏe tốt, có năng lực công tác, trách nhiệm, chấp hành nghiêm túc đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành, nội quy của đơn vị; hiểu biết sâu về công tác giáo dục, yên tâm, gắn bó với nghề, với trường.

Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang, đáp ứng được cơ bản các chương trình giáo dục hiện nay. Tất cả các vị trí chủ chốt của nhà trường đều do đảng viên đảm nhiệm.

Bên cạnh đó, học sinh nhà trường có đầu vào khá cao, có ý thức học tập và rèn luyện tốt. Đa số CMHS quan tâm sát sao đến công tác phối hợp giáo dục.

Khó khăn:

Học sinh của nhà trường cư trú trên một diện rộng, cả trên địa bàn thành phố Hà Nội. Một số học sinh nhà khá xa trường khiến cho nhà trường luôn luôn phải cân nhắc hạn chế việc đi lại của học sinh. Trong điều kiện đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhà trường đã chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển của đơn vị phù hợp trong từng giai đoạn, khẳng định chất lượng giáo dục, tạo được sự đồng thuận, niềm tin của CMHS và của xã hội.

Trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển, được sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Giáo Dục và Đào tạo Hà Nội, trường THPT Trần Phú – Hoàn Kiếm xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình, luôn hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm học, từng bước khẳng định vị thế của nhà trường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm và Thủ đô bằng chất lượng và sản phẩm giáo dục, hiệu quả đóng góp cho xã hội.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Trần Thị Hải Yến

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 8 Phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 024 8257303

Địa chỉ thư điện tử: c3tranphu@hanoiedu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập: Thành lập năm 1960

Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/01/2009 về việc đổi tên trường THPT Trần Phú thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

7.2. Hội đồng trường:

Quyết định số: 2094/QĐ-SGDĐT, ngày 21 tháng 12 năm 2022, của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận Hội đồng trường THPT Trần Phú- Hoàn Kiếm.

Quyết định số: 39/QĐ-SGDĐT, ngày 09 tháng 01 năm 2023, của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường THPT Trần Phú- Hoàn Kiếm.

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định số 507/QĐ- SGDĐT ngày 22/3/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Trần Phú- Hoàn Kiếm đối với bà Trần Thị Hải Yến;

Quyết định số 1089/QĐ-SGDĐT ngày 14/6/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Trần Phú- Hoàn Kiếm đối với bà Trịnh Thanh Thúy;

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm

7.4.1. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm gồm: Hội đồng trường; Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tư vấn; Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổ chức Công đoàn; Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Các tổ chuyên môn; Tổ văn phòng; Các lớp học.

7.4.2. Cơ chế hoạt động

a) Chương trình giáo dục và kế hoạch giáo dục

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, nhà trường.

Căn cứ chương trình các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông, khung kế hoạch thời gian năm học và điều kiện thực tiễn của địa phương, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Học sinh khuyết tật học hòa nhập được thực hiện kế hoạch giáo dục linh hoạt, phù hợp với khả năng của từng cá nhân và quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người khuyết tật.

b) Sách giáo khoa, thiết bị dạy học và tài liệu tham khảo

Sách giáo khoa sử dụng trong trường do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt; Nhà trường lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn giáo viên, học sinh sử dụng sách giáo khoa theo quy định của pháp luật.

Thiết bị dạy học sử dụng trong nhà trường thuộc danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các thiết bị dạy học khác theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông.

Nhà trường lựa chọn, trang bị thiết bị dạy học, xuất bản phẩm tham khảo phục vụ cho hoạt động dạy học và giáo dục theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Hoạt động giáo dục

Các hoạt động giáo dục thực hiện theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, được tổ chức trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường, nhằm thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Hoạt động giáo dục thông qua một số hình thức chủ yếu: học lí thuyết, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, thực hiện các dự án học tập, tham quan, cắm trại, đọc sách, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.

d) Giáo dục hòa nhập

Nhà trường thực hiện giáo dục hòa nhập cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, học sinh khuyết tật trong trường theo quy định của Luật Người khuyết tật, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Người khuyết tật, các quy định của Điều lệ này và quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người khuyết tật do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

e) Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục

Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường tuân theo đúng quy định trong Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

f) Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh

Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Việc kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; bảo đảm tính toàn diện, công bằng, trung thực, khách quan, vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên khuyến khích học sinh tiến bộ; chú trọng đánh giá quá trình học tập của học sinh; đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; không so sánh học sinh này với học sinh khác và không gây áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thì được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không dự thi tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp không đạt yêu cầu thì được hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh được thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường, bảo đảm yêu cầu đánh giá vì sự phát triển học sinh, thúc đẩy các phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

g) Giữ gìn và phát huy truyền thống nhà trường

Trường THPT Trần Phú – Hoàn Kiếm có phòng truyền thống để giữ gìn những tài liệu, hiện vật có liên quan tới việc thành lập và phát triển của nhà trường để phục vụ nhiệm vụ giáo dục truyền thống nhà trường cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Học sinh cũ của trường được thành lập ban liên lạc để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường, huy động các nguồn lực để giúp đỡ nhà trường trong việc thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

h) Phát triển văn hóa đọc

Nhà trường có thư viện cho giáo viên, học sinh tiếp cận và sử dụng thông tin từ thư viện, các nguồn thông tin hữu ích khác để phát triển văn hóa đọc.

Nhà trường luôn nâng cao trách nhiệm phát triển kỹ năng đọc và kỹ năng tìm kiếm thông tin cho giáo viên, học sinh.

i) Hợp tác quốc tế

Trường THPT Trần Phú – Hoàn Kiếm luôn quan tâm đến việc phát triển các chương trình hợp tác quốc tế phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của nhà trường theo quy định của pháp luật.

7.4.3. Vị trí chức năng

Trường THPT Trần Phú – Hoàn Kiếm là cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong hệ thống các trường THPT công lập của

thành phố Hà Nội; được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

Trường THPT Trần Phú – Hoàn Kiếm được tổ chức và hoạt động tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường THPT; Trường chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện của Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành có liên quan của thành phố Hà Nội.

7.4.4. Nhiệm vụ quyền hạn

Trường Trần Phú – Hoàn Kiếm có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
TT	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	92	1	44	46	0	1	0	1	38	48	1
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	85	0	43	42	0	0	0	0	37	48	
1	Văn	14		8	6					6	8	
2	Toán	13		6	7					5	8	
3	Ngoại ngữ	11		8	3					5	6	
4	Giáo dục thể chất	6		3	3					5	1	
5	Giáo dục QP_ AN	2			2					1	1	
6	Lịch sử	4		3	1					3	1	
7	Địa lý	4		1	3					2	2	
8	Giáo dục KT&PL	3		3						3	0	
9	Vật lý	6		2	4					3	3	
10	Hóa học	9		5	4						9	
11	Sinh học	4		2	2					1	3	
12	Công nghệ	4			4						4	
13	Tin học	5		2	3					3	2	
II	Cán bộ quản lý	2	1	1	0	0	0	0	1	1	0	
1	Hiệu trưởng	1	1						1			
2	Phó hiệu trưởng	1		1						1		
III	Nhân viên	5	0	0	4	0	1	0	0	0	0	1
1	Nhân viên văn thư											
2	Nhân viên kế toán	1			1							
3	Thủ quỹ	1			1							
4	Nhân viên y tế	1					1					1
5	Nhân viên thư viện											
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2			2							

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

CBQL: 02 người – tỷ lệ 100 % - 2/2 đạt chuẩn

Giáo viên: 85 người – tỷ lệ 100% - 85/85 đạt chuẩn

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng

hàng năm theo quy định.

TT	Môn	Tổng số hiện có mặt	Chia ra		Tổng số hoàn thành bồi dưỡng hàng năm	Tỷ lệ
			Cán bộ quản lý	Giáo viên /Nhân viên		
1	Văn	14		14	14	
2	Toán	13		13	13	
3	Ngoại ngữ	11		11	11	
4	Giáo dục thể chất	6		6	6	
5	Giáo dục QP_AN	2		2	2	
6	Lịch sử	5	1	4	5	
7	Địa lý	4		4	4	
8	Giáo dục KT&PL	3		3	3	
9	Vật lý	6		6	6	
10	Hóa học	10	1	9	10	
11	Sinh học	4		4	4	
12	Công nghệ	4		4	4	
13	Tin học	5		5	5	
14	Nhân viên	5		5	5	
	Tổng	92	2	90	92	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁵

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	30	2.2m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	26	
2	Số phòng học bộ môn	4	
3	Bình quân lớp/phòng học	50/26	
4	Bình quân học sinh/lớp	47	
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5003	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1700	
VI	Tổng diện tích các phòng		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		
	Phòng bộ môn Vật lý	70	
	Phòng bộ môn Hóa học	50	
	Phòng bộ môn Tin học	48	
3	Diện tích thư viện (m ²)	50	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	300	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	50	

b) Số thiết bị dạy học hiện có:

- Nhà trường đã đầu tư, mua sắm đủ các thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu cho cả 3 khối 10, 11, 12.

c) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	Môn/Hoạt động giáo dục	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên)	Tên nhà xuất bản
1	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái	ĐH Sư phạm
2	Ngữ văn	Cánh diều	Lã Nhâm Thìn	ĐH Sư phạm
3	Lịch sử	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	NXB Giáo dục Việt Nam
4	GDQP&AN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nghiêm viết Hải	NXB Giáo dục Việt Nam
5	GDTC	Cánh diều	Đình Quang Ngọc	ĐH Sư phạm
6	Vật lí	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Hoá học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	NXB Giáo dục Việt Nam

TT	Môn/Hoạt động giáo dục	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên)	Tên nhà xuất bản
8	Sinh học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Địa lí	Cánh diều	Lê Thông	ĐH Sư phạm
10	GDKT&PL	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Minh Đoan	NXB Giáo dục Việt Nam
11	CN (Trồng trọt)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
12	CN (Điện, điện tử)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
13	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	NXB Giáo dục Việt Nam
14	Tiếng anh	Global Success	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục Việt Nam
15	Mĩ thuật	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Xuân Nghị	NXB Giáo dục Việt Nam
16	Âm nhạc	Không		
17	Hoạt động trải nghiệm và sáng tạo	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	NXB Giáo dục Việt Nam
18	Giáo dục địa phương	Tài liệu hướng dẫn của Sở GD&ĐT Hà Nội		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Nhà trường thường xuyên tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: Các tiêu chí đều đạt mức tốt, riêng tiêu chí về diện tích/học sinh chưa đảm bảo; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Nhà trường được đưa vào danh sách đầu tư trung hạn của Thành phố Hà Nội để khắc phục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học:

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Điều kiện tuyển sinh	Theo điều kiện quy định về tuyển sinh vào lớp 10 của Sở GD và ĐT Hà Nội	HS học hết lớp 10 đủ điều kiện lên lớp 11 theo quy định về đánh giá của Bộ GD và ĐT	HS học hết lớp 11 đủ điều kiện lên lớp 12 theo quy định về đánh giá của Bộ GD và ĐT

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện giảng dạy Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Kế hoạch dạy học của các Tổ/ nhóm chuyên môn xây dựng dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD & ĐT, và của Sở GD & ĐT Hà Nội được Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội phê duyệt.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Thực hiện Phối hợp giữa phụ huynh học sinh và nhà trường theo Quy chế Phối hợp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường, đảm bảo thông tin hai chiều thường xuyên, kịp thời, hiệu quả. Phối hợp chặt chẽ với ban đại diện CMHS trường và Ban đại diện CMHS các lớp trong mọi hoạt động. Đảm bảo đầy đủ theo quy định của các cơ quan chuyên quản cấp trên.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Thực hiện hỗ trợ tài chính theo Quy định đối với học sinh là con gia đình chính sách: học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh là con gia đình thương binh... Nhà trường tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng học sinh ứng phó dịch bệnh, thiên tai; tăng cường hoạt động trải nghiệm; tổ chức các hoạt động phát triển năng khiếu thể dục thể thao, âm nhạc, hội họa,... bằng các hình thức sinh hoạt tập thể tham gia các câu lạc bộ đa dạng, phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Phẩm chất: học sinh đạt được các phẩm chất yêu thương, trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ, nhân ái. Năng lực học tập: học sinh đủ điều kiện lên lớp, dự thi THPT quốc gia, xét tuyển, thi tuyển vào các trường ĐH, CĐ (Đối với HS khối 12) Đánh giá sức khỏe: Đạt. Hạnh kiểm cuối năm: 100% đạt loại Tốt và khá. Học lực: Trên 90% đạt loại Giỏi và khá		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của HS	Đủ điều kiện năng lực chuyên môn, sức khỏe lên lớp 11 đạt tỷ lệ 100%	Đủ điều kiện năng lực chuyên môn, sức khỏe lên lớp 12 đạt tỷ lệ 100%	100% học sinh đạt điều kiện dự thi THPT 100% học sinh có năng lực tiếp tục học nghề, Cao đẳng, Đại học.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học:

a) Kết quả tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025:

Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025 được giao theo Quyết định số 850/QĐ-SGDĐT ngày 11/4/2024.

+ Số lượng học sinh 3 khối theo học tại trường năm học 2024-2025:

STT	Khối	Số lượng học sinh	Số lượng học sinh nam/nữ	Số lượng học sinh dân tộc thiểu số	Số lượng học sinh khuyết tật	số lượng học sinh học 02 buổi/ngày
1	Khối 10	701	320/381	5	6	0
2	Khối 11	780	375/405	6	2	0
3	Khối 12	793	344/449	6	2	0
	Tổng cộng	2.274	714/725	17	10	0

+ Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường năm học 2024-2025;

STT	Khối	Số lượng học sinh chuyển trường	Số lượng tiếp nhận HS học tại trường
1	Khối 10	2	38
2	Khối 11	2	0
3	Khối 12	0	0
	Tổng cộng	4	38

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

+ Kết quả xếp loại học tập

TT	Khối	Kết quả học tập								
		Tổng số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	Khối 10	701	625	89.16	74	10.56	2	0.29		
2	Khối 11	780	682	87.44	92	11.79	6	0.64		
3	Khối 12	793	773	97.48	20	2.52				
	Tổng Toàn Trường	2274	2080	91.47	186	8.18	8	0.35		

+ Kết quả xếp loại rèn luyện

TT	Khối	Kết quả rèn luyện								
		Tổng số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	Khối 10	701	696	99.29	5	0.71				

TT	Khối	Kết quả rèn luyện								
		Tổng số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
2	Khối 11	780	774	99.23	6	0.77				
3	Khối 12	793	791	99.75	2	0.25				
	Tổng Toàn Trường	2274	2261	99.43	13	0.57				

+ Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Khối	Tổng số HS	Số lượng học sinh được lên lớp	Số lượng học sinh không được lên lớp	Ghi chú
Khối 10	701	701	0	
Khối 11	780	780	0	
Tổng cộng	1481	1481	0	

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

+ Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình:

Khối	Tổng số HS	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình	Ghi chú
Khối 10	701	701	
Khối 11	780	780	
Khối 12	793	793	
Tổng cộng	2274	2274	

+ Học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông: Chưa có số liệu cụ thể ở thời điểm hiện tại.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính năm 2024 báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Chi tiêu	Số tiền
I	Phần thu	20.943.999.365
	Số kinh phí ngân sách thực nhận năm 2024:	17.077.756.500
	Ngân sách đặt hàng	16.372.246.000
	Kinh phí NSNN cấp bù miễn giảm học phí theo ND81 cấp năm 2024	18.900.000
	Hỗ trợ chi phí học tập	2.700.000
	Kinh phí mua sắm	663.680.000
	Kinh phí khắc phục bão được cấp	19.254.000
	Kinh phí Nghị quyết 15 hỗ trợ HS cận nghèo	976.500
3	Kinh phí nguồn học phí và thu khác	3.866.242.865
II	Phần chi	18.488.101.982
1	Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...);	17.129.320.138
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...);	682.934.000
3	Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...);	22.576.500
4	Chi khác	653.271.344
III	Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:	
	Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.	
1	Năm học 2024-2025	
	Mức thu học phí	217.000 đồng/ học sinh/tháng
	Nước uống	12.000 đồng/ học sinh/tháng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
2	Dự kiến Năm học 2025-2026	
	Mức thu học phí	217.000 đồng/ học sinh/tháng
	Nước uống	12.000 đồng/ học sinh/tháng
3	Dự kiến Năm học 2026-2027	
	Nước uống	12.000 đồng/ học sinh/tháng
IV	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.	22.576.500
1	Kinh phí miễn, giảm học phí	18.900.000
2	Kinh phí Nghị quyết 15 hỗ trợ HS cận nghèo	976.500
3	Chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo quy định	2.700.000
V	Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).	6.040.149.207
1	Quỹ phúc lợi	1.582.198.621
2	Quỹ bổ sung thu nhập	1.814.129.670
3	Phát triển HDSN	2.198.126.407
4	Quỹ Khen thưởng	445.694.509

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học; công tác xây dựng kế hoạch, tuyên truyền, tham mưu, phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ

Trong năm học qua, Trường THPT Trần Phú – Hoàn Kiếm đã triển khai công tác lãnh đạo, chỉ đạo một cách chủ động, khoa học và hiệu quả; xây dựng kế hoạch năm học sát thực tiễn, đẩy mạnh đổi mới quản lý, chuyển đổi số và nâng cao kỷ cương – nề nếp. Công tác tuyên truyền được tăng cường, lan tỏa hình ảnh và các phong trào thi đua của nhà trường; công tác tham mưu và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ban đại diện CMIIS được thực hiện chặt chẽ, góp phần bảo đảm an ninh, an toàn và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giáo dục. Nhờ sự vào cuộc đồng bộ của Đảng bộ, Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể, nhà trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học và đạt nhiều kết quả tích cực.

2. Kết quả công tác đổi mới quản trị trường học; công tác thực hiện dân chủ cơ sở; kết quả những cách làm sáng tạo, hiệu quả trong dạy và học

- Nhà trường đã ban hành các quyết định, các kế hoạch phân công cụ thể trách nhiệm, quyền lợi của từng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ người, rõ việc (Các quyết định, kế hoạch nêu trên). Các quyết định, kế hoạch đều được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

- Công tác thực hiện dân chủ luôn được nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục. Trong năm học 2024 – 2025 không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; bộ quy tắc ứng xử trong trường học, xây dựng văn hóa học đường.

- Nhà trường đã mời Ban tuyên giáo Quận ủy về tuyên truyền, thông tin các quan điểm chỉ đạo của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước cũng như những thông tin mang tính thời sự trong nước về quốc tế tới toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

- Nhà trường cử đúng, đủ các bộ, giáo viên tham gia các lớp tập huấn chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tổ chức và tất cả các bộ, giáo viên đều được cấp giấy chứng nhận Đạt khi tham dự các lớp tập huấn.

- Nhà trường đã xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong trường học và triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được biết và thực hiện.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch “Đơn vị học tập”, nộp hồ sơ “Đơn vị học tập” và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội công nhận.

4. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu đảm bảo thực hiện Chương trình GDPT 2018; công tác xã hội hóa từ các đề án, dự án, các thiết bị được cấp, tài trợ, viện trợ; việc bảo quản, khai thác, sử dụng thiết bị trong dạy học được các cấp có thẩm quyền phát từ các đề án, dự án

- Nhà trường đã đầu tư, mua sắm đủ thiết bị dạy học tối thiểu cho cả 3 khối lớp 10, 11, 12 đáp ứng dạy và học Chương trình GDPT 2018.

- Việc bảo quản, khai thác, sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học được các thầy, cô sử dụng thường xuyên, hiệu quả (Có Sổ theo dõi mượn/trả thiết bị được cập nhật hàng ngày).

5. Việc thực hiện ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, giảng dạy, học tập tại đơn vị

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xác định việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, giảng dạy là một nhiệm vụ quan trọng và đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số và xây dựng Kế hoạch thực hiện, trong đó chỉ rõ nhiệm vụ của từng thành viên trong nhà trường đối với công tác này.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác Học bạ, Sổ điểm điện tử do Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội triển khai.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của cơ sở giáo dục và của ngành: Hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao./.

